

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VĨNH BẢO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

SỔ TÀI CHÍNH HP CÔNG VẤN ĐẾN Số:..... 30/31/16...	Chủ trì	Tham gia
Giám đốc Sở		
PGĐ Hương		
PGĐ Dương		
PGĐ Huyền		
Ngân sách		
Huyện xã		
Đầu tư		
Văn xã		
Thanh tra		
Văn phòng		
Giáo - Công Sản		
Chi cục TCDN		



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Vũ Thanh Sơn

Ban Giám Đốc

Ông Vũ Thanh Sơn

Giám đốc

Ông Lê Minh Tân

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hiếu

Phó Giám đốc

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Văn Thạnh

Kế toán trưởng

Ông Vũ Văn Lượng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Phấn Sơn

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Vĩnh Bảo, ngày 21 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:****Chủ tịch và Ban Giám đốc****Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21/03/2015, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2015. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty..

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Công ty hiện đang theo dõi và hạch toán toàn bộ nguồn vốn Ngân sách cấp đầu tư tài sản cố định cho hoạt động công ích trên khoản mục “Vốn góp của chủ sở hữu” mà chưa phản ánh trên khoản mục “Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định”. Mặt khác, một số tài sản cố định được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới tiêu nước và máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình chưa được Công ty phản ánh giá trị hao mòn hàng năm; đối với tài sản có sự tăng/giảm trong năm cũng chưa được Công ty theo dõi sự biến động của nguồn vốn tương ứng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng với tình hình thực tế của Công ty, chúng tôi không thu thập được các số liệu về tình hình biến động tăng/giảm của các khoản mục này. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 0798-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Hà Minh Long
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số
1221-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.736.096.552	4.474.636.387
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.971.962.000	3.914.816.430
Tiền	111		3.971.962.000	3.914.816.430
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		581.385.557	398.575.651
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	674.652.562	517.332.427
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	31.501.912	6.012.141
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(124.768.917)	(124.768.917)
Hàng tồn kho	140		182.748.995	155.562.717
Hàng tồn kho	141	8	182.748.995	155.562.717
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	5.681.589
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	5.681.589
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		239.794.809.799	218.757.990.792
Tài sản cố định	220		239.691.083.299	218.585.603.492
Tài sản cố định hữu hình	221	9	239.691.083.299	218.585.603.492
- Nguyên giá	222		256.571.938.230	234.190.789.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.880.854.931)	(15.605.185.738)
Tài sản dài hạn khác	260		103.726.500	172.387.300
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	103.726.500	172.387.300
TỔNG TÀI SẢN	270		244.530.906.351	223.232.627.179

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		81.575.032	184.962.468
Nợ ngắn hạn	310		81.575.032	184.962.468
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	46.995.445	19.547.172
Phải trả ngắn hạn khác	319	12	8.770.000	84.600.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25.809.587	80.815.296
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		244.449.331.319	223.047.664.711
Vốn chủ sở hữu	410	13	244.449.331.319	223.047.664.711
Vốn góp của chủ sở hữu	411		244.364.037.820	222.851.501.820
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.293.499	196.162.891
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	117.028.476
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		85.293.499	79.134.415
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		244.530.906.351	223.232.627.179



Vũ Thanh Sơn
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Vĩnh Bảo, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	35.740.378.900	27.854.289.400
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		35.740.378.900	27.854.289.400
Giá vốn hàng bán	11	15	32.948.298.106	24.743.698.599
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.792.080.794	3.110.590.801
Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	95.291.049	100.119.000
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	2.792.508.404	3.129.777.823
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		94.863.439	80.931.978
Thu nhập khác	31	19	24.000.000	29.845.400
Chi phí khác	32	20	9.512.800	9.323.000
Lợi nhuận khác	40		14.487.200	20.522.400
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		109.350.639	101.454.378
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	24.057.140	22.319.963
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		85.293.499	79.134.415



Vũ Thanh Sơn
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Vĩnh Bảo, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		35.609.134.510	27.731.312.325
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(22.827.659.607)	(17.203.032.743)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(10.796.728.200)	(8.863.916.200)
Tiền lãi vay đã trả	4		-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(12.000.000)	(88.704.432)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		7.573.526.031	8.750.763.260
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(2.808.728.213)	(6.149.371.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.737.544.521	4.177.050.389
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.775.690.000)	(4.262.494.696)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	5.845.400
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.291.049	100.119.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.680.398.951)	(4.156.530.296)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		57.145.570	20.520.093
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	3.914.816.430	3.894.296.337
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	3.971.962.000	3.914.816.430



Vũ Thanh Sơn
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Vĩnh Bảo, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0204002766 ngày 09/07/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30/11/2010.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 12, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 74.000.000.000 đồng.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Sửa chữa, tu bổ công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Vận hành hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các thành phần kinh tế khác và đời sống dân sinh;
- Bán buôn máy móc, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy lợi;
- Bán lẻ máy, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, dịch vụ nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo;
- Tư vấn lập thiết kế kết cấu các công trình thủy lợi, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo Quyết định giao của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 10
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	10

Công ty đang thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số tài sản thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

3.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 năm.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ thủy lợi phí, doanh thu từ hoạt động sửa chữa, tu bổ, nạo vét kênh mương... phục vụ mục đích thủy lợi được cấp từ nguồn ngân sách.

Doanh thu từ hoạt động xây dựng, nạo vét kênh mương, tưới tiêu theo đơn đặt hàng của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông, được ghi nhận dựa trên nguồn vốn ngân sách mà Sở Tài chính thực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.9 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Giá vốn công trình sửa chữa, nạo vét kênh mương được xác định bằng doanh thu đã ghi nhận của công trình đã nghiệm thu trong năm. Việc ghi nhận giá vốn hoạt động xây lắp đang được Công ty ước tính mà chưa có tiêu thức xác định phù hợp.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.10 THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty là 5% (không bao gồm hoạt động nạo, vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ nguồn thủy lợi phí).

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khác của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 22%. Các khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, nạo vét kênh, mương nội đồng không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (tiếp)

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.11 Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Tiền mặt	180.415.443	202.042.843
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.791.546.557	3.712.773.587
Cộng	3.971.962.000	3.914.816.430

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	674.652.562	517.332.427
- Công ty Cấp nước Hải Phòng	547.590.645	390.270.510
- Xã Trần Dương - Thủy lợi phí	89.797.917	89.797.917
- Các đối tượng khác	37.264.000	37.264.000

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

ác thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

NỢ XẤU

Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
89.797.917	-	89.797.917	-
25.571.000	-	25.571.000	-
7.000.000	-	7.000.000	-
2.400.000	-	2.400.000	-
124.768.917	-	124.768.917	-

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn khó có khả năng thu hồi

- Hợp tác xã Nông nghiệp Xã Trần Hương
- Đắp đê rải cấp phối mặt đê hữu sông Thái Bình
- Đắp đê tả đông hóa đoạn K35,8
- Xây công thông nước xã Cộng Hiền

Cộng

CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
31.501.912	-	6.012.141	-
31.501.912	-	6.012.141	-
31.501.912	-	6.012.141	-

Ngắn hạn

- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế

Cộng

HÀNG TỒN KHO

Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
182.748.995	-	155.562.717	-
182.748.995	-	155.562.717	-

Nguyên liệu, vật liệu

Cộng

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2015	204.547.019.234	29.137.457.696	426.944.000	79.368.300	234.190.789.230
- Mua trong năm	-	141.773.000	-	-	141.773.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành (*)	21.139.216.000	1.100.160.000	-	-	22.239.376.000
Tại 31/12/2015	225.686.235.234	30.379.390.696	426.944.000	79.368.300	256.571.938.230
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2015	11.796.723.548	3.397.313.066	340.975.400	70.173.724	15.605.185.738
- Khấu hao trong năm	903.394.115	324.774.642	42.694.400	4.806.036	1.275.669.193
Tại 31/12/2015	12.700.117.663	3.722.087.708	383.669.800	74.979.760	16.880.854.931
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	192.750.295.686	25.740.144.630	85.968.600	9.194.576	218.585.603.492
Tại 31/12/2015	212.986.117.571	26.657.302.988	43.274.200	4.388.540	239.691.083.299

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 1.840.788.750 đồng (không bao gồm các tài sản không tính khấu hao).

(*) Đối với các công trình sửa chữa nâng cấp trạm bơm từ Nguồn vốn Đầu tư Xây dựng cơ bản và Nguồn Kinh phí sự nghiệp, Nguồn Thủy lợi phí của Sở Tài chính TP Hải Phòng, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định sẽ được ghi nhận tăng nguyên giá theo chi phí đã tập hợp và tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Dài hạn	103.726.500	172.387.300
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	103.726.500	172.387.300
Cộng	103.726.500	172.387.300

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

ác thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại 31/12/2015 VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	15.830.310	65.600.745	46.026.310	35.404.745
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.057.140	12.000.000	6.375.551
- Thuế tài nguyên	3.716.862	1.498.287	-	5.215.149
Cộng	19.547.172	179.054.172	145.924.310	46.995.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.770.000	84.600.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.770.000	84.600.000
+ Phải trả các tổ đội, phòng tư vấn	8.770.000	84.600.000
Cộng	8.770.000	84.600.000

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2014	134.450.067.220	117.028.476	134.567.095.696
- Lãi trong năm	-	79.134.415	79.134.415
- Tăng khác	88.401.434.600	-	88.401.434.600
31/12/2014	222.851.501.820	196.162.891	223.047.664.711
01/01/2015	222.851.501.820	196.162.891	223.047.664.711
- Lãi trong năm	-	85.293.499	85.293.499
- Trích quỹ khác	21.512.536.000	-	21.512.536.000
- Trích lập các quỹ	-	(209.559.662)	(209.559.662)
- Tăng khác	-	13.396.771	13.396.771
31/12/2015	244.364.037.820	85.293.499	244.449.331.319

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu	35.740.378.900	27.854.289.400
Ngân sách cấp miễn thu thủy lợi phí	34.476.364.000	26.950.270.000
Thu tiền nước thô	1.264.014.900	904.019.400
Cộng	35.740.378.900	27.854.289.400

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn thủy lợi phí	32.948.298.106	24.743.698.599
Cộng	32.948.298.106	24.743.698.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	95.291.049	100.119.000
Cộng	<u>95.291.049</u>	<u>100.119.000</u>

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	2.792.508.404	3.129.777.823
Chi phí xăng xe và tiền điện thoại	125.788.550	123.074.023
Chi báo chí văn phòng phẩm	100.538.149	45.177.194
Chi phí dụng cụ hành chính	55.688.500	51.012.000
Chi phí đào tạo khoa học kỹ thuật	126.311.300	97.345.174
Các khoản trích theo lương và ăn ca	2.025.556.321	2.472.389.756
Chi khoán xe và phụ cấp khác	78.922.064	67.328.412

18. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.604.007.307	1.034.810.020
Chi phí nhân công	9.981.458.039	9.444.164.514
Khấu hao tài sản cố định	1.275.669.193	836.349.944
Thuế, phí, lệ phí	100.538.149	45.177.194
Chi phí đồ dùng văn phòng	181.999.800	148.357.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	21.597.134.022	16.369.617.576
Chi phí dự phòng	-	-
Cộng	<u>35.740.806.510</u>	<u>27.878.476.422</u>

19. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập từ cho thuê đất đặt trạm viễn thông	24.000.000	29.845.400
Cộng	<u>24.000.000</u>	<u>29.845.400</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lương trông coi bảo vệ trạm viễn thông	9.512.800	9.323.000
Cộng	9.512.800	9.323.000

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.971.962.000	3.914.816.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	581.385.557	398.575.651
Cộng	4.553.347.557	4.313.392.081
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	8.770.000	84.600.000
Cộng	8.770.000	84.600.000
Trạng thái ròng	4.544.577.557	4.228.792.081

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn do Công ty không có các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.770.000	-	8.770.000
Cộng	8.770.000	-	8.770.000
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	84.600.000	-	84.600.000
Cộng	84.600.000	-	84.600.000

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.971.962.000	-	3.971.962.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	581.385.557	-	581.385.557
Cộng	4.553.347.557	-	4.553.347.557
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.914.816.430	-	3.914.816.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	398.575.651	-	398.575.651
Cộng	4.313.392.081	-	4.313.392.081

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. THÔNG TIN SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo đã được kiểm toán.



Vũ Thanh Sơn

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Vĩnh Bảo, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởngTô Thanh Tùng
Người lập biểu